

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 68 /2008/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ
hỗ trợ các địa phương thực hiện Đề án Kiên cố hóa trường, lớp học
và nhà công vụ giáo viên năm 2008**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2007/QH12 ngày 12 tháng 11 năm 2007 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại văn bản số 3718/BGDĐT-CSVCTBĐCTE ngày 29 tháng 4 năm 2008 về việc phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ thực hiện Đề án Kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ hỗ trợ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện Đề án Kiên cố hoá trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên năm 2008. Mức phân bổ cụ thể theo danh mục kèm theo.

Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương sử dụng, thanh toán số kinh phí được hỗ trợ, trên cơ sở các nguyên tắc được Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất tại công văn nêu trên và theo các quy định hiện hành.

Điều 2. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện, khẩn trương triển khai Đề án trên địa bàn với sự tham gia kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân, Đoàn đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội để thực hiện mục tiêu của Đề án, đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng các công trình xây dựng và theo đúng kế hoạch.

Ngoài nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, các địa phương có trách nhiệm bố trí, cân đối nguồn ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn khác để thực hiện các mục tiêu của Đề án ghi trong Quyết định số 20/2008/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

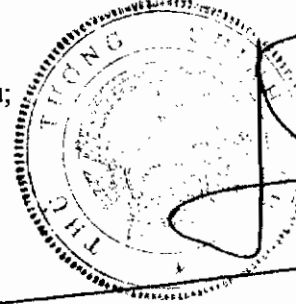
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- BQL KKTCKQT Bờ Y;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN,
Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ,
các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b). *xh 300*



Nguyễn Tấn Dũng



**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ HỖ TRỢ
CÁC ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN KIẾN CỐ HOÁ TRƯỜNG, LỚP HỌC
VÀ NHÀ CÔNG VỤ GIÁO VIÊN NĂM 2008**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 68 /2008/QĐ-TTg
ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tỉnh, thành phố	Phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ năm 2008
1	2	3
	TỔNG SỐ	3.775.600
I	MIỀN NÚI PHÍA BẮC	1.343.600
1	HÀ GIANG	111.800
2	TUYÊN QUANG	92.700
3	CAO BẰNG	46.700
4	LẠNG SƠN	82.400
5	LÀO CAI	71.700
6	YÊN BÁI	78.000
7	THÁI NGUYÊN	76.600
8	BẮC KẠN	32.900
9	PHÚ THỌ	117.900
10	BẮC GIANG	78.800
11	HÒA BÌNH	125.800
12	SƠN LA	262.100
13	LAI CHÂU	50.600
14	ĐIÊN BIÊN	115.600
II	ĐÔNG BẰNG SÔNG HỒNG	420.800
15	HÀ NỘI	
16	HẢI PHÒNG	2.500
17	QUẢNG NINH	6.600
18	HẢI DƯƠNG	82.100
19	HƯNG YÊN	44.100
20	VĨNH PHÚC	11.000
21	BẮC NINH	14.700
22	HÀ TÂY	46.300
23	HÀ NAM	30.300
24	NAM ĐỊNH	66.900
25	NINH BÌNH	33.800
26	THÁI BÌNH	82.500
III	BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG	1.082.600
27	THANH HÓA	321.500
28	NGHỆ AN	255.200

29	HÀ TĨNH	91.600
30	QUẢNG BÌNH	55.600
31	QUẢNG TRỊ	43.000
32	THỪA THIÊN HUẾ	38.300
33	ĐÀ NẴNG	2.100
34	QUẢNG NAM	34.400
35	QUẢNG NGÃI	46.900
36	BÌNH ĐỊNH	35.800
37	PHÚ YÊN	39.500
38	KHÁNH HÒA	6.500
39	NINH THUẬN	61.700
40	BÌNH THUẬN	50.500
IV	TÂY NGUYÊN	252.300
41	ĐẮK LẮK	95.000
42	ĐẮK NÔNG	18.800
43	GIA LAI	51.000
44	KON TUM	37.300
45	LÂM ĐỒNG	50.200
V	ĐÔNG NAM BỘ	62.100
46	TP. HỒ CHÍ MINH	
47	ĐỒNG NAI	
48	BÌNH DƯƠNG	
49	BÌNH PHƯỚC	21.100
50	TÂY NINH	41.000
51	BÀ RỊA - VŨNG TÀU	
VI	ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	614.200
52	LONG AN	48.000
53	TIỀN GIANG	48.600
54	BẾN TRE	62.900
55	TRÀ VINH	51.800
56	VĨNH LONG	21.900
57	CẦN THƠ	15.800
58	HẬU GIANG	26.300
59	SÓC TRĂNG	102.000
60	AN GIANG	53.500
61	ĐỒNG THÁP	40.000
62	KIÊN GIANG	68.700
63	BẠC LIÊU	18.300
64	CÀ MAU	56.400